

ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC XÃ HỘI VÀ
NHÂN VĂN

ĐỒNG MẠNH HÙNG

PHÁT THANH ĐỒNG HÀNH VÀ GIẢI PHÁP ỨNG
DỤNG TẠI ĐÀI TIẾNG NÓI VIỆT NAM

Chuyên ngành: **BÁO CHÍ HỌC**

Mã số: 62 32 01 01

TÓM TẮT LUẬN ÁN TIẾN SĨ

Hà Nội - 2022

Công trình được hoàn thành tại:
Viện đào tạo Báo chí và Truyền thông,
Trường Đại học Khoa học xã hội và Nhân văn, ĐHQG Hà Nội

Người hướng dẫn khoa học: PGS, TS Nguyễn Thế Kỷ

Phản biện:

Phản biện:

Phản biện:

Luận án sẽ được bảo vệ trước Hội đồng cấp Đại học Quốc gia chấm
luận án tiến sĩ họp tại

vào hồi giờ ngày tháng năm 20...

Có thể tìm hiểu luận án tại:

- Thư viện Quốc gia Việt Nam

- Trung tâm Thông tin - Thư viện, Đại học Quốc gia Hà Nội

MỤC LỤC

	Trang
MỞ ĐẦU	5
1. Lý do chọn đề tài	5
2. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu	5
3. Câu hỏi nghiên cứu	6
4. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu	6
5. Giả thuyết nghiên cứu và Khung phân tích	7
6. Phương pháp nghiên cứu	7
7. Điểm mới	8
8. Ý nghĩa lý luận và thực tiễn	8
9. Kết cấu của luận án	9
CHƯƠNG I TỔNG QUAN NGHIÊN CỨU VỀ PHÁT THANH VÀ PHÁT THANH ĐỒNG HÀNH	9
1.1. Các công trình nghiên cứu có liên quan đến phát thanh và phương thức sản xuất phát thanh đồng hành	9
1.2. Những vấn đề đặt ra Luận án tiếp tục giải quyết	9
CHƯƠNG II CƠ SỞ LÝ LUẬN VÀ CÔNG CHỨNG CỦA PHÁT THANH ĐỒNG HÀNH	10
2.1. Khái niệm và đặc điểm của phát thanh	10
2.2. Phát thanh trực tiếp	11

2.3. Phát thanh đồng hành	11
2.4. Các điều kiện để tổ chức thực hiện phát thanh đồng hành	13
2.5. Công chúng của phát thanh đồng hành	13
2.6. Một số khái niệm liên quan	14
2.7. Lý thuyết tiếp cận nghiên cứu	14
CHƯƠNG III KHẢO SÁT ĐÁNH GIÁ THỰC TRẠNG PHÁT THANH ĐỒNG HÀNH Ở VIỆT NAM VÀ MỘT SỐ ĐÀI PHÁT THANH THẾ GIỚI	14
3.1. Đánh giá thực trạng về phát thanh đồng hành	14
3.2. Khảo sát thực trạng phát thanh đồng hành tại một số đài phát thanh trên thế giới	16
3.3. Những bài học kinh nghiệm	16
CHƯƠNG IV GIẢI PHÁP ỨNG DỤNG PHÁT THANH ĐỒNG HÀNH TẠI ĐÀI TIẾNG NÓI VIỆT NAM	18
4.1. Những điều kiện để ứng dụng phát thanh đồng hành tại Đài Tiếng nói Việt Nam	18
4.2. Các giải pháp ứng dụng phát thanh đồng hành tại Đài Tiếng nói Việt Nam	18
4.3. Giải pháp ứng dụng phát thanh đồng hành trên Kênh Thời sự VOV1	19
KẾT LUẬN	21
DANH MỤC CÔNG TRÌNH NGHIÊN CỨU	26

MỞ ĐẦU

1. Lý do chọn đề tài

Trước sự thay đổi mạnh mẽ của công chúng, cộng với điều kiện công nghệ mới cho phép phương thức sản xuất phát thanh cũng đã thay đổi để đáp ứng được yêu cầu đó. Qua khảo sát nhiều đài phát thanh lớn trên thế giới đã chuyển đổi phương thức phát thanh truyền thống với định dạng khung chương trình kiểu ngắn kéo để áp dụng phương thức sản xuất hiện đại với định dạng khung chương trình mở, linh hoạt có thể cạnh tranh với các loại hình truyền thông khác kể cả mạng xã hội trong việc cập nhật thông tin và tương tác với công chúng. Đó là phương thức Phát thanh đồng hành.

Theo một số kết quả khảo sát gần đây, tại Việt Nam công chúng không còn mặn mà với phát thanh, trong đó có Đài TNVN. Vì vậy, chúng tôi cho rằng phát thanh ở Việt Nam, trong đó có Đài TNVN cần thay đổi, bứt phá theo hướng hiện đại, cụ thể là chuyển từ phương thức phát thanh truyền thống sang phương thức phát thanh đồng hành trực tiếp trên khung chương trình định dạng mở, linh hoạt để phát thanh có thể đồng hành với sự kiện, đồng hành với công chúng. Từ những lý do trên, nghiên cứu sinh chọn đề tài “***Phát thanh đồng hành và giải pháp ứng dụng tại Đài Tiếng nói Việt Nam***” làm đề tài nghiên cứu của luận án.

2. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu

2.1. Mục đích nghiên cứu

Luận án khảo sát thực trạng phát thanh đồng hành tại Việt Nam hiện nay và một số kênh phát thanh trên thế giới khẳng định tính ưu việt, sự cần thiết và tác dụng của phương thức phát thanh

đồng hành trên cơ sở đó đề xuất giải pháp ứng dụng phát thanh đồng hành tại Đài Tiếng nói Việt Nam.

2.2. Nhiệm vụ nghiên cứu

Luận án thực hiện những nhiệm vụ sau:

(1) Xây dựng cơ sở lý luận và thực tiễn về phát thanh và phát thanh đồng hành; (2) Nghiên cứu, khảo sát, đánh giá hiện trạng về phát thanh đồng hành tại Đài Tiếng nói Việt Nam hiện nay; (3) Nghiên cứu, khảo sát và đánh giá rút ra những bài học kinh nghiệm làm phát thanh đồng hành từ các kênh phát thanh lớn trên thế giới. (4) Phân tích đặc điểm, nhu cầu, cách thức tiếp nhận và tương tác thông tin của công chúng phát thanh hiện nay tại Việt Nam; (5) Đề xuất hệ thống giải pháp ứng dụng phát thanh đồng hành tại Đài Tiếng nói Việt Nam.

3. Câu hỏi nghiên cứu

Câu hỏi 1: Cơ sở lý luận và thực tiễn về phát thanh đồng hành là gì?

Câu hỏi 2: Phát thanh đồng hành ở Việt Nam hiện nay được thể hiện như thế nào?

Câu hỏi 3: Phát thanh đồng hành được các kênh, các đài phát thanh lớn trên thế giới thực hiện như thế nào? Những bài học kinh nghiệm nào rút ra được từ chương trình phát thanh đồng hành?

Câu hỏi 4: Để ứng dụng phát thanh đồng hành vào Đài Tiếng nói Việt Nam cần có những giải pháp gì?

4. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

(1) Đề tài nghiên cứu khung và cách thức làm phát thanh đồng hành tại các kênh ABCnews (Australia), BBCnews (Anh) và Infor Radio (Pháp). (2) Đề tài nghiên cứu trực tiếp việc tổ chức sản xuất, các

chương trình phát thanh theo hướng phát thanh đồng hành trên Kênh Thời sự VOV1.

- Phạm vi nghiên cứu được giới hạn trong các chương trình trên Kênh Thời sự VOV1 trong 9 tháng (từ tháng 1 đến tháng 9/2019)

5. Giả thuyết nghiên cứu và Khung phân tích

5.1. Giả thuyết nghiên cứu

(1) Có sự tương đồng và khác biệt giữa phát thanh truyền thống và phát thanh đồng hành. (2) Phương thức phát thanh đồng hành đã được triển khai tại Đài Tiếng nói Việt Nam nhưng chưa phát triển mạnh mẽ. (3) Phát thanh đồng hành đòi hỏi các điều kiện cao về kỹ thuật, công nghệ, con người. (4) Phát triển phát thanh đồng hành, Đài Tiếng nói Việt Nam sẽ lấy lại vị thế vốn có của một cơ quan báo chí hàng đầu Việt Nam.

5.2. Khung phân tích

Luận án xác định khung lý thuyết nghiên cứu gồm khái niệm, đặc điểm về phát thanh, phát thanh trực tiếp và phát thanh đồng hành; công chúng phát thanh đồng hành, các lý thuyết “Mô hình truyền thông”; “Thiết lập chương trình nghị sự” và lý thuyết “Sử dụng và hài lòng”.

6. Phương pháp nghiên cứu

6.1. Phương pháp luận

- Phương pháp luận chung: Luận án dựa trên cơ sở phương pháp luận của chủ nghĩa Mác-Lênin: sử dụng phép duy vật biện chứng và phép duy vật lịch sử; quan điểm của Chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, của Đảng về báo chí truyền thông, lý luận báo chí truyền thông.

- Phương pháp luận chuyên ngành: Sử dụng Lý thuyết Mô hình truyền thông; lý thuyết Sử dụng và hài lòng và lý thuyết Thiết lập chương trình nghị sự.

6.2. Phương pháp công cụ

6.2.1. Sử dụng phương pháp liên ngành

- (1) *Phương pháp phân tích tài liệu*; (2) *Phương pháp nghiên cứu trường hợp (case-study)*; (3) *Phương pháp phỏng vấn bằng bảng hỏi (anket)* (4) *Phương pháp phỏng vấn sâu*, (5) *Phương pháp quan sát*.

6.2.2. Sử dụng nhóm lý thuyết truyền thông.

- (1) *Lý thuyết mô hình truyền thông*. (2) *Lý thuyết Sử dụng và hài lòng* (3) *Lý thuyết Thiết lập chương trình nghị sự*:

7. Điểm mới

- Đề tài góp phần hoàn thiện khung lý thuyết phát thanh đồng hành như là một phương thức phát thanh hiện đại.

- Đề tài sẽ nghiên cứu và kiến nghị những giải pháp để thực hiện phát thanh đồng hành tại Đài Tiếng nói Việt Nam.

- Ứng dụng kết quả của đề tài sẽ được áp dụng ngay trong quá trình đổi mới của Đài TNVN và các đài phát thanh địa theo hướng gần gũi, thiết thực với người nghe.

8. Ý nghĩa lý luận và thực tiễn

8.1. Ý nghĩa lý luận

- Luận án sẽ góp phần làm phong phú thêm cơ sở lý luận về phát thanh nói chung, vấn đề đổi mới phát thanh trong môi trường truyền thông mới ở Việt Nam hiện nay nói riêng.

- Luận án cung cấp những luận cứ khoa học giúp cho việc triển khai thành công chiến lược phát triển hệ thống phát thanh nói chung, và của Đài TNVN nói riêng.

8.2. Ý nghĩa thực tiễn

- Luận án cung cấp những cứ liệu khoa học cho việc ứng dụng các phương thức làm phát thanh mới tại Việt Nam.
- Thông qua những nghiên cứu, luận án đề xuất các nhóm giải pháp và khuyến nghị khoa học nhằm giúp Đài TNVN nói riêng và các đài phát thanh ở Việt Nam ứng dụng.

9. Kết cấu của luận án

Ngoài phần Mở đầu, Kết luận và Phụ lục, luận án gồm 4 chương:

Chương 1: Tổng quan về phát thanh và phát thanh đồng hành

Chương 2: Cơ sở lý luận và công chúng phát thanh đồng hành.

Chương 3: Khảo sát và đánh giá thực trạng phát thanh đồng hành tại một số đài phát thanh trên thế giới và Việt Nam.

Chương 4: Giải pháp ứng dụng phát thanh đồng hành tại Đài Tiếng nói Việt Nam

CHƯƠNG I

TỔNG QUAN NGHIÊN CỨU VỀ PHÁT THANH VÀ PHÁT THANH ĐỒNG HÀNH

1.1. Các công trình nghiên cứu có liên quan đến phát thanh và phương thức sản xuất phát thanh đồng hành

1.1.1. Trên thế giới:

1.1.2. Ở Việt Nam:

1.2. Những vấn đề đặt ra Luận án tiếp tục giải quyết

1. Phát thanh đồng hành và những đặc điểm cơ bản của phát thanh đồng hành.
2. Công chúng của phát thanh đồng hành và những đặc điểm, nhu cầu và hành vi tiếp nhận thông tin, sự tham gia của công chúng vào phát thanh đồng hành.

3. Những điều kiện cần và đủ của Đài TNVN khi áp dụng phương thức phát thanh đồng hành.
4. Những giải pháp cơ bản để ứng dụng phát thanh đồng hành tại Đài Tiếng nói Việt Nam.
5. Dự báo sự phát triển của phát thanh đồng hành trong tương lai phát thanh ở Việt Nam.

Tiểu kết chương 1

Những hướng nghiên cứu trên của thế giới và Việt Nam về phát thanh đồng hành đã cho thấy một xu hướng sản xuất chương trình phát thanh mới, hiện đại. Tại Việt Nam hình thức này đã được nhắc tới và bước đầu thực hiện với những chương trình nhỏ lẻ, thử nghiệm.

CHƯƠNG II

CƠ SỞ LÝ LUẬN VÀ CÔNG CHỨNG CỦA PHÁT THANH ĐỒNG HÀNH

2.1. Khái niệm và đặc điểm của phát thanh

2.1.1. Phát thanh.

2.1.2. Những đặc điểm của phát thanh

2.1.2.1. Phát thanh là nhanh và trực tiếp:

2.1.2.2. Phát thanh có khả năng phủ sóng rộng:

2.1.2.3. Phát thanh có khả năng tương tác mạnh mẽ:

2.2. Phát thanh trực tiếp

2.2.1. Lịch sử hình thành

2.2.2. Khái niệm phát thanh trực tiếp

2.2.2.1. Phát thanh ghi âm:

2.2.2.2. Phát thanh trực tiếp:

“Phát thanh trực tiếp là cách thức sản xuất chương trình phát thanh mà quá trình phát sóng đồng thời với sự kiện, chương trình hình thành đến đâu, được phát sóng ngay đến đấy, có sự tham gia của thính giả tạo cho chương trình sinh động và hấp dẫn”.

2.2.3. Đặc điểm của phát thanh trực tiếp

2.2.3.1. Phát thanh trực tiếp thông tin diễn ra đồng thời với sự kiện.

2.2.3.2. Phát thanh trực tiếp có sự tham gia của thính giả:

2.3. Phát thanh đồng hành

2.3.1. Khái niệm

Trên thế giới, có thuật ngữ “radio follow” tạm dịch là “Phát thanh theo dòng”, hay “phát thanh đi cùng” được tạo ra nhằm giúp người làm phát thanh có thể bám sát, đi cùng sự kiện, vấn đề có tính thời sự và tạo điều kiện, khuyến khích thính giả tham gia đồng hành cùng chương trình phát thanh.

Phát thanh đồng hành được áp dụng tại nhiều đài phát thanh của các nước châu Âu. Nó ra đời khi mà phát thanh ở châu Âu lâm vào thời kỳ khủng hoảng nhất nên được coi là giải pháp quan trọng giúp cho phát thanh lấy lại vị thế của loại hình truyền thông này.

*“**Phát thanh đồng hành** là cách thức sản xuất chương trình trực tiếp với định dạng thời lượng lớn, mở và linh hoạt để cập nhật tin tức, bám sát và phát triển thành vấn đề nóng cũng như tương tác và khuyến khích người nghe tham gia sản xuất nội dung và thụ hưởng chương trình”.*

2.3.2. Đặc điểm của phát thanh đồng hành

- 2.3.2.1. Là dạng cao nhất của phát thanh trực tiếp
- 2.3.2.2. Khung chương trình mở, linh hoạt
- 2.3.2.3. Tạo những format chương trình lớn (bigshow)
- 2.3.2.4. Cách dẫn chương trình linh hoạt
- 2.3.2.5. Tin tức được cập nhật liên tục (breckingnews)
- 2.3.2.6. Tương tác mạnh mẽ và coi thính giả là người đồng sản xuất

2.4. Các điều kiện để tổ chức thực hiện phát thanh đồng hành

- 2.4.1. Về nhân lực
- 2.4.2. Mô hình tòa soạn
- 2.4.3. Cơ sở hạ tầng, kỹ thuật

2.5. Công chúng của phát thanh đồng hành

- 2.5.1. Công chúng phát thanh đồng hành trẻ hơn và có nhiều công chức, ở khu vực thành thị
- 2.5.2. Người nghe phát thanh đồng hành thường đang làm một việc gì đó hoặc đi ô tô
- 2.5.3. Người nghe phát thanh đồng hành muốn cập nhật thông tin nhanh, nóng
- 2.5.4. Các khung giờ sáng và chiều vẫn là khung giờ vàng cho phát thanh đồng hành
- 2.5.5. Thông tin thời sự chính trị được thính giả quan tâm nhất
- 2.5.6. Nhu cầu được tương tác của thính giả rất lớn
- 2.5.7. Tâm lý của thính giả khi đang nghe có thông tin mới chèn vào

2.6. Một số khái niệm liên quan

2.7. Lý thuyết tiếp cận nghiên cứu

Tiểu kết chương II

Ở chương II, luận án đã đi sâu nghiên cứu những vấn đề lý luận và thực tiễn liên quan tới phát thanh đồng hành. Từ bức tranh chung về phát thanh đồng hành tại Việt Nam và thế giới, những vấn đề cấp thiết cần phải nghiên cứu về phát thanh đồng hành để có thể ứng dụng tại Đài Tiếng nói Việt Nam được luận án đặt ra để nghiên cứu.

CHƯƠNG III

KHẢO SÁT ĐÁNH GIÁ THỰC TRẠNG PHÁT THANH ĐỒNG HÀNH Ở VIỆT NAM VÀ MỘT SỐ ĐÀI PHÁT THANH THẾ GIỚI

3.1. Đánh giá thực trạng về phát thanh đồng hành

3.1.1. Ở Việt Nam

3.1.1.1. *Việc thực hiện phát thanh trực tiếp tại Đài TNVN*

3.1.1.2. *Phát thanh đồng hành – Sự khởi đầu mới*

3.1.1.3. *Khảo sát việc ứng dụng phương thức phát thanh đồng hành trên Kênh Thời sự VOV1 (Khảo sát từ tháng 1 đến tháng 9/2019)*

Đồng hành với các sự kiện nóng, cập nhật (breaking-news): Từ hai sự kiện cụ thể mà chúng tôi vừa khảo sát, có thể thấy, VOV1 đã thực hiện được breaking news thành công các sự kiện, dù đó là sự kiện bất ngờ (như vụ cháy Rạng Đông), hoặc các sự kiện có lịch trình trước (Cuộc gặp thượng đỉnh Mỹ Triều). Lý do đã xác định sự kiện, hình thành các ekip, kết hợp ăn ý trong và ngoài studio.

+Đồng hành cùng vấn đề nóng: Khảo sát *Sự kiện Hội nghị thượng đỉnh Mỹ - Triều;* *Vụ cháy tại Nhà máy CP Bóng đèn phích nước Rạng Đông;* *Vụ 39 người thiệt mạng trên xe công-ten-nơ đông lạnh tại Anh* cho thấy việc đồng hành cùng các sự kiện đã giúp cho thính

giả có nhiều thông tin hơn, nhiều góc nhìn hơn và cũng từ đó góp phần quan trọng vào định hướng nội dung.

+Đồng hành cùng thính giả và tạo điều kiện để thính giả đồng hành cùng sự kiện, chương trình: Thính giả có thể tham gia bình luận, trao đổi, nêu yêu cầu trong một chương trình phát thanh trực tiếp và được đáp ứng ngay tại thời điểm chương trình phát sóng.

3.1.1.4. Khảo sát ứng dụng phát thanh đồng hành trên Kênh VOV Giao thông

Chương trình Giờ cao điểm là một chương trình được triển khai theo hướng phát thanh đồng hành. Có kết cấu linh hoạt, luôn được mở sóng để cập nhật tin tức về tình hình giao thông. Chương trình có tính tương tác cao và gây được hiệu ứng xã hội

3.1.2. Trên thế giới

3.1.2.1. Ngay khi ra đời, phát thanh đã đồng hành với sự kiện để đưa tin nhanh, tức thì

3.1.2.2. Phát thanh đồng hành với sự kiện và có khả năng đẩy sự kiện nóng thành vấn đề nhiều người quan tâm

3.1.2.3. Các kênh phát thanh đồng hành thực hiện tương tác mạnh mẽ với thính giả.

3.2. Khảo sát thực trạng phát thanh đồng hành tại một số đài phát thanh trên thế giới

Chúng tôi đã khảo sát, nghiên cứu thực tế việc ứng dụng phương thức này ở một số đài phát thanh quốc tế như: Kênh ABCnews (ABC - Australia) và Kênh BBCnews (BBC -Anh); Kênh France Info (RFI – Pháp)

3.2.1. Lý do lựa chọn, phương pháp khảo sát

3.2.2. Sơ lược về cơ cấu tổ chức và sản xuất của các Kênh

3.2.3. Khảo sát cách thức làm phát thanh đồng hành tại ABCnews, BBCnews và France Info

3.2.3.1. Khung chương trình đều là các big-show (show lớn) và mở

Format Thời sự chung được thiết kế cho thời lượng 30 phút, được lặp lại liên tục. Mỗi vòng format đảm bảo cung cấp tin nóng, tin thể thao, tin giao thông, tin thời tiết, tin kinh tế. Khi có sự kiện đặc biệt quan trọng dạng breaking news (khủng bố, ám sát quan chức cấp cao, thiên tai lớn...) thì toàn bộ khung chương trình hàng ngày sẽ bị gỡ và thay vào đó là các chương trình trực tiếp, từ bản tin, phân tích, bình luận, phỏng vấn, đưa tin hiện trường

3.2.3.2. Luôn cập nhật tin tức mới, nóng (đồng hành cùng sự kiện)

3.2.3.3. Sẵn sàng phá khung để làm sâu các vấn đề nóng (Đồng hành cùng vấn đề)

3.2.3.4. Luôn tiếp nhận ý kiến và tương tác với thính giả bằng nhiều cách (Đồng hành cùng thính giả)

3.3. Những bài học kinh nghiệm

3.3.1. Bài học về thay đổi tư duy làm phát thanh

Tăng cường chuyên biệt hóa, tăng các chương trình mở và linh hoạt về kết cấu. thanh trực tiếp.

3.3.2. Bài học về cơ cấu tổ chức

Hình thành và tồn tại của các ekip sản xuất trao quyền quyết định cho ekip.

3.3.3. Bài học về đầu tư trang thiết bị, tài chính

Trang thiết bị phục vụ phát thanh đồng hành phải được đầu tư để phục vụ tốt nhất cho ekip sản xuất.

3.3.4. Bài học về chiến lược phát triển nguồn nhân lực

Đội ngũ phải được chuyên nghiệp hóa, lành nghề, có tác phong làm việc nhóm...

3.3.5. Tận dụng tối đa thế mạnh của mạng xã hội và nền tảng số

Phát thanh đồng hành cần tận dụng tối đa thế mạnh của mạng xã hội, phát triển ứng dụng OTT trên thiết bị di động, các kênh truyền thông xã hội như spotify, facebook, youtube...

Tiểu kết chương III

Phát thanh đồng hành phải là phát thanh trực tiếp, khung mở, linh hoạt để cập nhật thông tin một cách linh hoạt, nhanh; Việc tương tác hải được tiến hành trên các nền tảng, hạ tầng...

CHƯƠNG IV

GIẢI PHÁP ỨNG DỤNG PHÁT THANH ĐỒNG HÀNH TẠI ĐÀI TIẾNG NÓI VIỆT NAM

4.1. Những điều kiện để ứng dụng phát thanh đồng hành tại Đài Tiếng nói Việt Nam

4.2. Các giải pháp ứng dụng phát thanh đồng hành tại Đài Tiếng nói Việt Nam

4.2.1. Nhóm giải pháp chung

4.2.1.1. Thay đổi tư duy để tiếp cận phát thanh hiện đại

4.2.1.2. Cần nghiên cứu công chúng một cách bài bản và thường xuyên

4.2.1.3. Chuyển đổi số - Cơ hội tốt để ứng dụng phát thanh đồng hành

4.2.2. Nhóm giải pháp cụ thể khi ứng dụng phát thanh đồng hành tại Đài Tiếng nói Việt Nam.

4.2.2.1. Cần tăng cường phát thanh trực tiếp

Cần làm trực tiếp tất cả các chương trình và các kênh như VOV2, VOV3, VOV5

4.2.1.2. Tạo khung chương trình mở với các big-show kết cấu linh hoạt

Các chương trình lớn (big-show) đáp ứng được nhu cầu nghe nhiều, đa dạng và nghe sâu hơn.

4.2.1.3. Hình thành các ekip sản xuất chuyên nghiệp

Sự chuyên nghiệp của ekip cũng sẽ tạo dấu ấn riêng biệt, thu hút sự chú ý của thính giả.

4.2.1.4. Đầu tư trang thiết bị kỹ thuật hiện đại

Thiết kế phòng phát thanh one-man studio phù hợp với cách làm phát thanh đồng hành.

4.3. Giải pháp ứng dụng phát thanh đồng hành trên

Kênh Thời sự VOV1

4.3.1. Vài nét về Kênh Thời sự VOV1

4.3.2. Xác định múi giờ và múi giờ vàng, thính giả mục tiêu cho Kênh Thời sự VOV1

4.3.3. Xác định các tuyến nội dung trên kênh Thời sự VOV1

Từ kết quả khảo điều tra thính giả trong khuôn khổ đề tài, từ việc định vị khung, định vị thính giả... chúng tôi đề xuất việc sản xuất nội dung trên kênh Thời sự theo phương thức đồng hành theo các tuyến vấn đề sau (i) Tuyên tin tức và các vấn đề chính trị; (ii) Tuyên tin tức và các vấn đề kinh tế; (iii) Tuyên tin tức và các vấn đề văn hoá (iv) Tuyên tin tức và các vấn đề đời sống xã hội; (v) Tuyên tin tức và các vấn đề quốc tế (vi) Tuyên tin tức và vấn đề thể thao - giải trí; (vi) Tuyên tin tức giao thông, thời tiết.

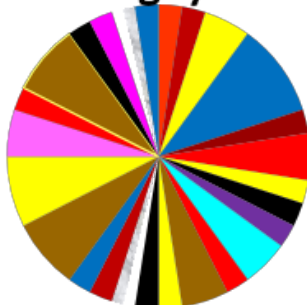
4.3.4. Xác định khung Kênh Thời sự VOV1 theo phương thức phát thanh đồng hành

Khung Kênh Thời sự đồng hành phải thể hiện rõ 3 cấp độ thông tin đó là:



Căn cứ vào việc xác định múi giờ và xác định tuyến nội dung tôi xin được thiết kế format một show phát thanh đồng hành như sau:

Show VOV Ngày mới



- Tin thời sự TN QT
- Thời tiết, gthông
- Bình luận 1
-
- Câu chuyện Thời sự
- Thời tiết, gthông
- Thế giới đêm qua
- VOV hiện trường
- Quảng cáo
-

4.3.5. Giải pháp tổ chức, quản trị Kênh VOV1 theo phương thức phát thanh đồng hành

Quản trị theo chiều ngang:

Quản trị theo chiều dọc:

4.3.6. Giải pháp về tổ chức sản xuất phát thanh đồng hành

4.3.7. Giải pháp về kỹ thuật

Đây là mô hình tổng quan kỹ thuật phát thanh đồng hành:



Hình Mô hình tổng quan kỹ thuật phát thanh đồng hành

4.3.8. Giải pháp về cơ chế phối hợp

KẾT LUẬN

Trong giai đoạn hiện nay, phát thanh đứng trước những khó khăn, thách thức to lớn bởi phải chia sẻ công chúng với các loại hình báo chí khác, đặc biệt là công chúng của mạng xã hội và các nền tảng số. Tuy nhiên, lịch sử hình thành và phát triển của báo chí thế giới hơn một thế kỷ qua đã cho thấy mỗi loại hình báo chí lại có những thế mạnh riêng, có đối tượng phục vụ riêng, chính vì vậy mà có cách thức phục vụ riêng. Với phát thanh, trong thời đại chuyển đổi số này, bên cạnh việc phải thay đổi các nền tảng cung cấp nội dung, không chỉ trên nền tảng truyền thống là phát sóng vô tuyến, mà còn cần cung cấp trên các nền tảng số, thì cần phải tiếp tục đổi mới để cả nội dung và hình thức để đáp ứng những yêu cầu, những nhu cầu ngày càng mới của công chúng. Phát thanh đồng hành là một hướng

nguyên cứu khả thi khi áp dụng vào đời mới phát thanh hiện nay. Nếu nói phát thanh đồng hành là phương thức mới thì hoàn toàn không đúng, bởi trên thế giới đã và đang thực hiện phương thức này, nhưng với Việt Nam thì chắc chắn là mới mẻ, bởi chúng ta vẫn đã và đang sản xuất phát thanh theo những phương thức truyền thống. Những lợi ích, những điểm mạnh với Đài TNVN, với thính giả, của phát thanh đồng hành thì đã rõ, vấn đề triển khai thực hiện như thế nào mới là điều cần quan tâm. Và đó chính là lý do để chúng tôi nghiên cứu “Phát thanh đồng hành và giải pháp ứng dụng tại Đài Tiếng nói Việt Nam” làm đề tài cho luận án tiến sỹ báo chí học.

Để nghiên cứu, tìm hiểu về phát thanh đồng hành, luận án sử dụng các lý thuyết tiếp cận như Lý thuyết mô hình truyền thông, Lý thuyết sử dụng và hài lòng, lý thuyết về thiết lập chương trình nghị sự và xã hội thông tin; luận án dựa trên quan điểm của Mác-Lênin, Hồ Chí Minh và đường lối của Đảng ta về báo chí vào nghiên cứu. Luận án sử dụng các phương pháp nghiên cứu gồm nhóm phương pháp nghiên cứu định tính (phân tích tài liệu, phỏng vấn sâu, phỏng vấn tham dự) và nhóm phương pháp nghiên cứu định lượng (phỏng vấn Anket); các phương pháp nghiên cứu chuyên ngành như phương pháp phân tích kiểm soát, phương pháp phân tích phương tiện truyền thông, nghiên cứu trường hợp. Kết quả nghiên cứu chính của luận án như sau:

1. Chúng tôi đã làm rõ những khái niệm, những đặc điểm của phát thanh, phát thanh trực tiếp để đi đến khái niệm phát thanh đồng hành. Như đã trình bày, thì phát thanh đồng hành không phải là phương thức mới mẻ trên thế giới, nhưng chưa được áp dụng thực hiện nhiều tại Việt Nam. Chính vì vậy, luận án đã luận giải những vấn đề liên

quan đến khái niệm, đặc điểm quan trọng của phát thanh đồng hành. Cùng với đó, luận án đã so sánh giữa phát thanh đồng hành và phát thanh truyền thống để thấy được những điểm tương đồng và khác biệt giữa hai cách thức này, để thấy được ưu thế của việc làm phát thanh trực tiếp, của việc thực hiện khung mở với các chương trình lớn (big-show) cấu trúc linh hoạt... Chính điều này, là nguyên nhân để phát thanh có thể “chạy đua” với các loại hình báo chí khác trong việc cập nhật tin tức nhanh, khai thác và triển khai các vấn đề chuyên sâu và tương tác với công chúng, tạo điều kiện cho công chúng thỏa mãn nhu cầu được làm báo cùng đài phát thanh.

2. Chúng tôi đã tiến hành nghiên cứu các cách thức làm phát thanh đồng hành ở một số đài, một số kênh phát thanh trên thế giới. Việc khảo sát trường hợp (case studies) là cách thức để thấy được tường tận hơn cách làm của các nước từ đó rút ra bài học trong việc triển khai ứng dụng tại Việt Nam. Đó là bài học về nhận thức đổi mới phát thanh cần toàn diện và nhất quán; bài học về cách tổ chức sản xuất, đến đổi mới nội dung thông tin và hình thức thể hiện các thông tin sao cho hiệu quả, hấp dẫn; bài học về công tác tổ chức, điều hành một Đài, một Kênh theo hướng phát thanh đồng hành... Chúng tôi thấy rằng, để thực hiện được phát thanh đồng hành, rất cần những nghiên cứu chuyên sâu, bài bản, rất cần sự tham gia của chuyên gia nước ngoài và sự đầu tư thích đáng về con người và kỹ thuật. Hiện nay một số kênh phát thanh của Đài TNVN đã ứng dụng một phương thức phát thanh đồng hành và bước đầu có những thành công, vì vậy, việc đầu tư thêm cho các kênh để triển khai rộng hơn, sâu hơn chắc chắn sẽ thành công.

3. Trong kỷ nguyên số bùng nổ hiện nay, cũng như các loại hình báo chí khác, phát thanh bắt buộc phải thay đổi nếu muốn tiếp tục tồn tại. Sự thay đổi này bao gồm cả việc thay đổi cách thức quản lý (ở tầm quốc gia cũng như các bộ, ngành, địa phương); áp dụng công nghệ vào quản lý toà soạn; đầu tư cho các nền tảng công nghệ mới ở cơ quan báo đài; ở chính từ cấp cuối cùng là các phóng viên. Các phóng viên cũng phải trang bị cho mình kiến thức, kỹ năng công nghệ để có thể tác nghiệp một cách hiệu quả nhất, tin, bài, hình ảnh phải phục vụ tối đa cho mọi nền tảng công nghệ của toà soạn, từ báo giấy, báo điện tử, video cho truyền hình và audio cho phát thanh. Nhưng để trở nên khác biệt, tạo nên thế mạnh của mình, điều chủ chốt nhất mà phát thanh cần chính là nâng cao chất lượng thông tin. Chính vì vậy, ở chương 4, chúng tôi đã đưa ra những kiến nghị về giải pháp ứng dụng phát thanh đồng hành vào Đài Tiếng nói Việt Nam. Chúng tôi đề ra nhóm giải pháp chung cho toàn Đài TNVN và nhóm giải pháp riêng cho một kênh Thời sự VOV1. Trong các giải pháp chung, chúng tôi đã đề cập sâu đến giải pháp về tổ chức nhân sự, bởi chúng tôi cho rằng, để đổi mới thì con người là quan trọng nhất chúng ta cần những người dẫn chương trình giỏi, những phóng viên năng động, dám lặn xả và những người tổ chức sản xuất, những kỹ thuật viên lành nghề. Trong nhóm giải pháp về ứng dụng vào Kênh Thời sự VOV1, chúng tôi đề cập sâu, cụ thể từng giải pháp như hình thành ekip sản xuất, hình thành khung, xác định đối tượng công chúng cho từng múi giờ, từ đó xác định nội dung cần phục vụ, những yêu cầu cụ thể về kỹ thuật, về tài chính, về kết nối số... Hệ thống các giải pháp này chỉ là cơ bản, chắc chắn khi ứng dụng phát thanh đồng hành sẽ còn phát sinh nhiều vấn đề khác cần giải quyết.

4. Do điều kiện và khả năng giới hạn, tác giả luận án mới tập trung nghiên cứu khảo sát phát thanh đồng hành ở một số kênh thuộc Đài Tiếng nói Việt Nam là: kênh VOV1 và kênh VOVGT và một số kênh phát thanh nước ngoài. Trong quá trình thực hiện, tác giả nhận thấy có những vấn đề cần được tiếp tục nghiên cứu như: (1) mở rộng diện khảo sát chương trình đến một số kênh, đài trong phạm vi cả nước; (2) tìm hiểu sâu cách thức làm phát thanh, và phát thanh đồng hành tại một số nước trong khu vực và trên thế giới, đặc biệt là để phân tích những thành công, hạn chế (3) đưa ra dự báo xu hướng vận động, phát triển của phát thanh trong kỷ nguyên số và truyền thông đa phương tiện...

Ứng dụng một phương pháp, một cách làm mới không phải là chỉ đem toàn bộ lý thuyết áp vào thực tế, mà cần nghiên cứu, phân tích tình hình cụ thể rồi mới ứng dụng mới có thể đạt được kết quả tốt nhất. Từ thực tế của Đài Tiếng nói Việt Nam, chúng tôi thấy trên cơ sở những cách thức làm phát thanh truyền thống, trên cơ sở những kinh nghiệm làm phát thanh trực tiếp, nếu triển khai phát thanh đồng hành chắc chắn có những thuận lợi, nhưng không phải không có những khó khăn. Cái chính là chúng ta cần quyết tâm để thực hiện đến cùng, tạo ra những kết quả như mong muốn.

Trong quá trình thực hiện đề tài, tác giả luận án đã cố gắng tập trung giải quyết các mục tiêu đặt ra. Tuy nhiên, do trình độ và năng lực nghiên cứu có hạn, chắc chắn đề tài không tránh khỏi những khiếm khuyết. Tác giả chân thành mong nhận được góp ý của các nhà khoa học để luận án được hoàn thiện hơn.

DANH MỤC CÔNG TRÌNH NGHIÊN CỨU

I. CÁC BÀI BÁO ĐĂNG TRÊN TẠP CHÍ KHOA HỌC QUỐC TẾ

1. “SOLUTIONS TO ADDRESS THE NEW DEMANDS OF THE CURRENT VIETNAMESE RADIO AUDIENCE” International Journal of multisciences E ISSN 2722 2985”. MULTISCIENCE – VOL 2 NO 12, MARCH 2022.
2. “DIGITAL TRANSFORMATION - THE FIRST STEPS OF RADIO OF VIETNAM” International Journal of multisciences E ISSN 2722 2985 MULTISCIENCE – VOL 3 NO 1, MAY 2022

II. CÁC BÀI THAM GIA HỘI THẢO KHOA HỌC

- “*Sử dụng từ và chi tiết giàu hình ảnh, ngữ nghĩa để đạt hiệu quả cao trong phát thanh*”. Hội thảo Quốc gia “Giữ gìn sự trong sáng của tiếng Việt trên các phương tiện thông tin đại chúng “. Kỷ yếu Hội thảo, NXB Thông tin và Truyền thông, Hà Nội 2018, tập 2, tr 92
- “*Từ phát thanh trực tiếp đến phát thanh đồng hành – Dấu ấn của VOV trong đổi mới phương thức sản xuất phát thanh*” . Hội thảo khoa học quốc gia:” gia “*Báo chí Việt Nam thời kỳ đổi mới – Những vấn đề lý luận và thực tiễn*” Kỷ yếu hội thảo NXB Thông tin và Truyền thông”, Hà Nội 2018, tr359.
- “*Ứng dụng công nghệ trong sản xuất phát thanh – Nói dài cánh sóng Tiếng nói Việt Nam*”.. Hội thảo khoa học quốc tế Việt Lào trong kỷ nguyên truyền thông số”, Nghệ An, tháng 7/2019 Kỷ yếu hội thảo, tr21
- “*Đài Tiếng nói Việt Nam thực hiện chức năng giám sát, phản biện xã hội*” Hội thảo khoa học Quốc gia “*Phát huy vai trò, giám sát, phản biện xã hội của báo chí trong bối cảnh hiện nay*” 6/2922 . Kỷ yếu hội thảo, tr257
- “*Chuyển đổi số ở Đài Tiếng nói Việt Nam: Thực trạng và một số đề xuất*” hội thảo khoa học “*Chuyển đổi số báo chí, một số vấn đề lý luận và thực tiễn*” 6/2022 Kỷ yếu hội thảo, tr135

III. CÁC BÀI ĐĂNG TRÊN TẠP CHÍ KHOA HỌC

- “Hãy để phát thanh chính là bạn” Tạp chí Người làm báo – MS ISSN – 0886 – 7691 Số 399 tháng 5 2017, tr24.
- Những nhu cầu mới của công chúng phát thanh hiện nay, Tạp chí Người làm báo – MS ISSN – 0886 – 7691, Số 438 tháng 8 năm 2020, tr14.
- Chuyển đổi số - Những bước đi đầu tiên của phát thanh Việt Nam Tạp chí Người làm báo – MS ISSN – 0886 – 7691 So 457 tháng 3 năm 2022, tr14.

IV. CÁC BÀI ĐĂNG TRONG SÁCH NGHIÊN CỨU CỦA ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI VÀ HỌC VIỆN BÁO CHÍ TUYÊN TRUYỀN.

- “Nghe đài trên đa nền tảng - Nhu cầu mới của công chúng phát thanh”* (Khảo sát thính giả VOV1) in trong sách “Báo chí truyền thông – Những vấn đề trọng yếu” NXB Đại học Quốc gia Hà Nội 2020, tr279.
- *“Phóng sự phát thanh thực tế - Một thể loại hấp dẫn”* In trong sách “25 năm Nghiên cứu và đào tạo báo chí truyền thông” NXB Đại học Quốc gia Hà Nội, 2015, tr313.
- *Bước đầu tìm hiểu việc sử dụng lợi thế của mạng xã hội trong các chương trình phát thanh của Đài TNVN* in trong sách “Báo chí truyền thông – Những vấn đề trọng yếu” tập 1, NXB Đại học Quốc gia Hà Nội tr309
- *“Nâng cao chất lượng hệ thống truyền thanh cơ sở góp phần phát triển bền vững địa phương”* in trong sách “Báo chí truyền thông – Những điểm nhìn từ thực tiễn” (tập 4), NXB Lao Động 2019, tr425

V. CÁC ĐỀ TÀI NCKH CẤP NHÀ NƯỚC VÀ CẤP BỘ

- 2016 – Chủ nhiệm đề tài “Nghiên cứu và đề xuất giải pháp xây dựng tòa soạn đa loại hình báo chí tại Đài Tiếng nói Việt Nam” Đề tài khoa học cấp Bộ, đã nghiệm thu tại Đài TNVN năm 2016
- 2017 – Tham gia đề tài “ Hệ Thời sự Chính trị tổng hợp VOV1 hướng tới kênh chuyên biệt tin tức, thời sự” Đề tài Nghiên cứu khoa học cấp Bộ, đã nghiệm thu tại Đài TNVN năm 2018
- 2018 – Tham gia đề tài “Đổi mới cách thông tin các vấn đề quốc tế trên kênh Thời sự VOV1, Đài Tiếng nói Việt Nam”, Đề tài nghiên cứu khoa học cấp Bộ, đã nghiệm thu tại Đài TNVN năm 2018.

-2020 – Chủ nhiệm đề tài “Nghiên cứu việc tiếp cận VOV trên các phương tiện giao thông công cộng và cá nhân tại Hà Nội, Đà Nẵng, thành phố Hồ Chí Minh”, Đề tài khoa học cấp Bộ, đã nghiệm thu tại Đài TNVN năm 2020.

- 2016 – 2019: Tham gia đề tài “Những vấn đề lý luận và thực tiễn về sức mạnh mềm văn hoá Việt Nam” MS: KX.01.19/16_20. Đề tài cấp Nhà nước, đã nghiệm thu năm 2019.